

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 271/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12-11-2024

"V/v không cộng nhận vợ chồng"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Bà Trịnh Xuân Trúc

**Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Đoàn Thị Bảy

Ông Võ Thanh Liêm

**Thư ký phiên toà:** Bà Ngô Thị Thắm - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 497/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 319/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Q M H; Sinh năm: 1992;

Địa chỉ: Số 9 đường P H T, Khóm A, Phường B, thành phố CM, tỉnh CM. (có mặt).

- **Bị đơn:** - Anh T T N; Sinh năm: 1989;

Địa chỉ: Số 9 đường P H T, Khóm A, Phường B, thành phố CM, tỉnh CM. (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Về hôn nhân: Chị Q M H và anh T T N tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2016 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Theo chị H quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên đã sống ly thân, nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc vì vậy yêu cầu Tòa án cho chấm dứt quan hệ hôn nhân. Đối với anh N cho rằng vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhưng nếu chị H kiên quyết yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân anh vẫn thống nhất theo yêu cầu chị H.

Về con chung: Chị Q M H và anh T T N xác định có 01 người con chung là T T L, sinh ngày 25/10/2017. Khi được chấm dứt quan hệ hôn nhân, anh chị

thỏa thuận giao cháu T T L cho anh T T N trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị H.

Về tài sản chung: Anh, chị xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh, chị xác định vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn đang cư trú tại thành phố Cà Mau nên vụ án được xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án anh T T N có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Q M H và anh T T N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016, tuy có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Vậy nên mặc dù chị H, anh N đều xác định trong cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và cả hai đều thống nhất chấm dứt mối quan hệ hôn nhân nhưng vì hôn nhân của anh N, chị H vi phạm về mặt hình thức là không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên căn cứ theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ giữa chị H và anh N là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị Q M H và anh T T N xác định có 01 người con chung tên T T L, sinh ngày 25/10/2017. Hiện cháu L đang sống chung với chị H, anh N. Khi ly hôn, chị H, anh N thỏa thuận giao cháu L cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận của anh, chị là phù hợp với nguyện vọng của cháu L và phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận giao cháu T T L cho anh N trực tiếp nuôi, chị H không cấp dưỡng. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Chị H, anh N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị H, anh N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 9, 14, 16, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1/ Về hôn nhân: Không công nhận chị Q M H và anh T T N là vợ chồng.

2/ Về con chung: Công nhận thỏa thuận chị Q M H và anh T T N giao cháu T T L, sinh ngày 25/10/2017 cho anh T T N nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị H không nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Chị H, anh N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/ Về nợ chung: Chị H, anh N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Q M H phải chịu. Ngày 02/10/2024 chị H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0009345 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu, nộp Ngân sách nhà nước.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Xuân Trúc**